TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 439/2022/HNGĐ-ST;
Ngày: 30-12-2022.
V/v "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hồng Lợi.

Bà Trần Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 367/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Thị Thúy C, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Anh T xin vắng mặt và chị C vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

Anh và chị Trần Thị Thúy C cưới nhau vào năm 2015, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, chị Châu đi làm xa không về nhà thường xuyên, dần dần tình cảm vợ chồng xa cách, không có thời gian để trao đổi, hàn gắn tình cảm. Anh chị đã ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, nay xét thấy tình cảm

không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Thúy C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Anh chị có tài sản chung gồm:

01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K; 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc tay 04 chỉ vàng 24K, tổng cộng 01 cây vàng 24K. Do chị C đang quản lý.

Anh yêu cầu chia đôi số vàng trên, yêu cầu chị C giao cho anh ½ số vàng trên là 05 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Trần Thị Thúy C mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị C vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Thúy C, yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn chị Trần Thị Thúy C đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị C.

[3] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung đối với 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K; 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc tay 04 chỉ vàng 24K. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về tình cảm: Anh Nguyễn Hữu T và chị Trần Thị Thúy C cưới nhau năm 2015, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T xin ly hôn với chị C với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, chị C đi làm xa không về nhà thường xuyên, dần dần tình cảm vợ chồng xa cách, không có thời gian để trao đổi, hàn gắn tình cảm, anh T và chị C đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay. Anh T xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị C; phía chị C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy chị C không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Nguyễn Hữu T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4.4] Về nợ chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T đối với việc chia tài sản chung gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K; 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc tay 04 chỉ vàng 24K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T.

Về tình cảm: Anh Nguyễn Hữu Trạng được ly hôn với chị Trần Thị Thúy C.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 975.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026553 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy anh T được hoàn lại 675.000 đồng.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân